

KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC
KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC CHUYÊN NGÀNH V

Phụ lục số 01

TỔNG HỢP DANH SÁCH CÁC ĐƠN VỊ CHƯA THỰC HIỆN KIẾN NGHỊ CỦA KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC VỀ XỬ LÝ TÀI CHÍNH, XỬ LÝ KHÁC ĐẾN 31/12/2022

Phụ lục kèm theo Công văn số/CNV-TH ngày/ /2023 của Kiểm toán nhà nước chuyên ngành V

Đơn vị tính: đồng

TT	Chỉ tiêu	Tổng số (đến 31/12/2023)	Tăng thu	Giảm chi TX	Giảm chi ĐT	Kiến nghị khác	Số liệu thực hiện đến 01/3/2023	Ghi chú
	KTNN chuyên ngành V							
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	8.246.196.808.629	315.297.956.398	3.366.963.534	669.643.257.864	7.257.888.630.833	8.174.497.461.042	
I. Niên độ ngân sách 2020								
	Số chưa thực hiện (7)=(5-6)	552.403.475.409	3.956.114.912	10	5.731.816.294	542.715.544.193	480.704.127.822	
1. Kiểm toán báo cáo tài chính, các hoạt động liên quan đến quản lý, sử dụng vốn tài sản nhà nước năm 2020 Tổng công ty Đầu tư phát triển nhà và đô thị								
	Số chưa thực hiện (7)=(5-6)	4.629.497.169	0	0	0	4.629.497.169	4.629.497.169	
1	Dự án Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu đô thị sinh thái Chánh Mỹ (giai đoạn 1)							
	Số chưa thực hiện (7)=(5-6)	876.278.284	0	0	0	876.278.284		
2	Dự án Khu đô thị HUD - Sơn Tây							
	Số chưa thực hiện (7)=(5-6)	188.699.691	0	0	0	188.699.691		
3	Dự án Khu đô thị mới Phú Mỹ							
	Số chưa thực hiện (7)=(5-6)	1.600.673.239	0	0	0	1.600.673.239		
4	Dự án Khu đô thị mới Thanh Lâm - Đại Thịnh 2							
	Số chưa thực hiện (7)=(5-6)	1.963.845.955	0	0	0	1.963.845.955		
5	Tổng công ty Đầu tư phát triển nhà và đô thị							
2. Kiểm toán chuyên đề Chương trình “Mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn dựa trên kết quả” năm 2020								
	Số chưa thực hiện (7)=(5-6)	70.733.016	0	10	45.733.006	25.000.000	10	
1	Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang							
	Số chưa thực hiện (7)=(5-6)	25.000.000	0	0	0	25.000.000		
2	Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình							
	Số chưa thực hiện (7)=(5-6)	70.908.649	0	0	70.908.649	0		
3	Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn							
	Số chưa thực hiện (7)=(5-6)	(41.412.245)	0	0	(41.412.245)	0		
4	Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ							
	Số chưa thực hiện (7)=(5-6)	16.236.475	0	0	16.236.475	0		
5	Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang							
	Số chưa thực hiện (7)=(5-6)	99	0	0	99	0		
3. Kiểm toán chuyên đề Chương trình phát triển đô thị quốc gia dựa trên kết quả cho khu vực miền núi phía Bắc (WB) năm 2020								
	Số chưa thực hiện (7)=(5-6)	442.657.109	0	0	134.863.109	307.794.000	442.657.109	
1	Ban Quản lý các chương trình dự án sử dụng nguồn hỗ trợ phát triển chính thức (ODự án) tỉnh Hòa Bình							
	Số chưa thực hiện (7)=(5-6)	134.863.109	0	0	134.863.109	0		
2	Ban Quản lý dự án Chương trình đô thị miền núi phía Bắc - thành phố Cao Bằng							

TT	Chỉ tiêu	Tổng số (đến 31/12/2023)	Tăng thu	Giảm chi TX	Giảm chi ĐT	Kiến nghị khác	Số liệu thực hiện đến 01/3/2023	Ghi chú
	Số chưa thực hiện (7)=(5-6)	307.794.000	0	0	0	307.794.000		
4. Kiểm toán chuyên đề Dự án phát triển cơ sở hạ tầng du lịch hỗ trợ cho tăng trưởng toàn diện khu vực tiểu vùng Mê Kông mở rộng								
	Số chưa thực hiện (7)=(5-6)	99.586.976	0	0	99.586.976	0	0	
1	Ban Thực hiện dự án Phát triển cơ sở hạ tầng du lịch hỗ trợ cho tăng trưởng toàn diện khu vực tiểu vùng Mê Kông mở rộng tỉnh Điện Biên							
	Số chưa thực hiện (7)=(5-6)	(128)	0	0	(128)	0		
2	Ban Thực hiện dự án Phát triển cơ sở hạ tầng du lịch hỗ trợ cho tăng trưởng toàn diện khu vực tiểu vùng Mê Kông mở rộng tỉnh Kiên Giang							
	Số chưa thực hiện (7)=(5-6)	99.587.104	0	0	99.587.104	0		
5. Kiểm toán chuyên đề Dự án phát triển nông nghiệp có tưới (WB7)								
	Số chưa thực hiện (7)=(5-6)	14.310.904.919	639.413	0	1.624.386.506	12.685.879.000	14.310.904.919	
1	Ban Quản lý dự án Cải thiện nông nghiệp có tưới Kê Gồ - Sông Rác							
	Số chưa thực hiện (7)=(5-6)	43.757.279	0	0	43.757.279	0		
2	Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng Công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Phú Thọ							
	Số chưa thực hiện (7)=(5-6)	14.238.697.861	639.413	0	1.552.179.448	12.685.879.000		
3	Ban Quản lý dự án xây dựng và tu bổ các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Hoà Bình							
	Số chưa thực hiện (7)=(5-6)	28.449.779	0	0	28.449.779	0		
6. Kiểm toán chuyên đề Dự án sửa chữa và nâng cao an toàn đập (WB8)								
	Số chưa thực hiện (7)=(5-6)	183.429.390	25.453.000	0	8.390	157.968.000	25.453.000	
1	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh Yên Bái							
	Số chưa thực hiện (7)=(5-6)	157.977.283	0	0	9.283	157.968.000		
2	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các Công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Quảng Nam							
	Số chưa thực hiện (7)=(5-6)	(675)	0	0	(675)	0		
3	Ban Quản lý dự án sửa chữa và nâng cao an toàn đập tỉnh Lào Cai							
	Số chưa thực hiện (7)=(5-6)	25.453.000	25.453.000	0	0	0		
4	Ban Quản lý dự án trồng rừng Việt Đức tỉnh Quảng Ninh							
	Số chưa thực hiện (7)=(5-6)	(218)	0	0	(218)	0		
7. Kiểm toán chuyên đề Việc quản lý quy hoạch, cấp phép xây dựng thủy điện nhỏ giai đoạn 2016 - 2020								
	Số chưa thực hiện (7)=(5-6)	26.862.725.584	0	0	0	26.862.725.584	26.862.725.584	
1	Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên							
	Số chưa thực hiện (7)=(5-6)	16.753.953.132	0	0	0	16.753.953.132		
2	Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang							
	Số chưa thực hiện (7)=(5-6)	10.108.772.452	0	0	0	10.108.772.452		
3	Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La							
8. Kiểm toán Dự án chống chịu khí hậu tổng hợp và sinh kế bền vững đồng bằng sông Cửu Long (ICRSL-WB9)								
	Số chưa thực hiện (7)=(5-6)	671.585.614	0	0	671.585.614	0	36.551.675	
1	Ban Quản lý các dự án ODA và NGO tỉnh Cà Mau							
	Số chưa thực hiện (7)=(5-6)	821.644	0	0	821.644	0		
2	Ban Quản lý dự án 2 tỉnh Sóc Trăng							
	Số chưa thực hiện (7)=(5-6)	518.559.810	0	0	518.559.810	0		
3	Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bạc Liêu							
	Số chưa thực hiện (7)=(5-6)	152.204.160	0	0	152.204.160	0		

TT	Chỉ tiêu	Tổng số (đến 31/12/2023)	Tăng thu	Giảm chi TX	Giảm chi ĐT	Kiến nghị khác	Số liệu thực hiện đến 01/3/2023	Ghi chú
9. Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án Đại học Quốc gia Hà Nội tại Hòa Lạc								
	Số chưa thực hiện (7)=(5-6)	18.833.461.713	0	0	2.226.596.365	16.606.865.348	18.833.461.713	
1	Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng Đại học Quốc gia Hà Nội tại Hòa Lạc							
	Số chưa thực hiện (7)=(5-6)	18.833.461.713	0	0	2.226.596.365	16.606.865.348		
10. Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án ĐTXD công trình Trung tâm Phân tích thí nghiệm và Văn phòng Viện Dầu khí VN tại Thành phố Hồ Chí Minh								
	Số chưa thực hiện (7)=(5-6)	2.588.162.081	0	0	0	2.588.162.081	2.143.945.639	
1	Viện Dầu khí Việt Nam							
	Số chưa thực hiện (7)=(5-6)	2.588.162.081	0	0	0	2.588.162.081		
11. Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án ĐTXD Phân hiệu Kiên Giang của Trường Đại học Nha Trang giai đoạn 2008-2015								
	Số chưa thực hiện (7)=(5-6)	68.046.936.060	0	0	0	68.046.936.060	202.999.938	
1	Trường Đại học Kiên Giang							
	Số chưa thực hiện (7)=(5-6)	68.046.936.060	0	0	0	68.046.936.060		
12. Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án đường 319 nối dài và nút giao giữa đường cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Long Thành - Dầu Giây theo hình thức hợp đồng Xây dựng - Kinh doanh - Chuyển giao (Hợp đồng BOT)								
	Số chưa thực hiện (7)=(5-6)	8.015.028.528	0	0	0	8.015.028.528	8.015.028.528	
1	Công ty Cổ phần BOT 319 Cường Thuận CTI							
	Số chưa thực hiện (7)=(5-6)	8.015.028.528	0	0	0	8.015.028.528		
13. Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án đường dây 500/220kV Nho Quan - Phú Lý - Thường Tín; Dự án đường dây 500/220kV Hiệp Hoà - Đông Anh - Bắc Ninh 2								
	Số chưa thực hiện (7)=(5-6)	66.427.260.027	0	0	0	66.427.260.027	64.739.635.227	
1	Ban quản lý dự án công trình điện miền Bắc							
	Số chưa thực hiện (7)=(5-6)	66.427.260.027	0	0	0	66.427.260.027		
14. Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án đường dây 500kV Quảng Trạch - Đốc Sỏi; Dự án đường dây 500kV Đốc Sỏi - Pleiku 2								
	Số chưa thực hiện (7)=(5-6)	35.361.950.827	0	0	0	35.361.950.827	35.361.950.827	
1	Ban quản lý dự án các công trình điện miền Trung							
	Số chưa thực hiện (7)=(5-6)	35.361.950.827	0	0	0	35.361.950.827		
15. Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án đường ống Nam Côn Sơn 2 - giai đoạn 2; Dự án đường ống thu gom, vận chuyển khí mỏ Sao Vàng - Đại Nguyệt								
	Số chưa thực hiện (7)=(5-6)	271.532.156.705	0	0	0	271.532.156.705	271.532.156.705	
1	Chi nhánh tổng công ty khí Việt Nam - Công ty cổ phần - Ban quản lý dự án khí Đông Nam Bộ							
	Số chưa thực hiện (7)=(5-6)	38.784.077.920	0	0	0	38.784.077.920		
2	Chi nhánh tổng công ty khí Việt Nam - Công ty cổ phần - Công ty quản lý dự án khí							
	Số chưa thực hiện (7)=(5-6)	232.748.078.785	0	0	0	232.748.078.785		
16. Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án hệ thống thủy lợi Cái Lớn - Cái Bé giai đoạn 1								
	Số chưa thực hiện (7)=(5-6)	760.238.380	0	0	760.238.380	0	-1.532	
1	Ban Quản lý đầu tư và Xây dựng Thủy lợi 10							
	Số chưa thực hiện (7)=(5-6)	(1.532)	0	0	(1.532)	0		

TT	Chỉ tiêu	Tổng số (đến 31/12/2023)	Tăng thu	Giảm chi TX	Giảm chi ĐT	Kiến nghị khác	Số liệu thực hiện đến 01/3/2023	Ghi chú
2	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Kiên Giang							
	Số chưa thực hiện (7)=(5-6)	760.239.912	0	0	760.239.912	0		
17.	Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án hệ thống xử lý nước thải Yên Xá thành phố Hà Nội							
	Số chưa thực hiện (7)=(5-6)	144.514.529	0	0	50.764.948	93.749.581	144.514.529	
1	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình cấp nước, thoát nước và môi trường thành phố Hà Nội							
	Số chưa thực hiện (7)=(5-6)	144.514.529	0	0	50.764.948	93.749.581		
18.	Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án hồ chứa nước Bản Lải giai đoạn 1							
	Số chưa thực hiện (7)=(5-6)	29.151.579.283	0	0	0	29.151.579.283	29.151.579.283	
1	Ban Quản lý đầu tư và Xây dựng Thủy lợi 2							
	Số chưa thực hiện (7)=(5-6)	29.151.579.283	0	0	0	29.151.579.283		
19.	Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án hồ chứa nước Cánh Tạng							
	Số chưa thực hiện (7)=(5-6)	3.930.022.499	3.930.022.499	0	0	0	3.930.022.499	
1	Ban Quản lý đầu tư và Xây dựng Thủy lợi 1							
	Số chưa thực hiện (7)=(5-6)	3.930.022.499	3.930.022.499	0	0	0		
20.	Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án hồ chứa nước Krông Pách thượng							
	Số chưa thực hiện (7)=(5-6)	341.045.000	0	0	118.053.000	222.992.000	341.045.000	
1	Ban Quản lý đầu tư và Xây dựng Thủy lợi 8							
	Số chưa thực hiện (7)=(5-6)	341.045.000	0	0	118.053.000	222.992.000		
II. Niên độ ngân sách 2019								
	Số chưa thực hiện (7)=(5-6)	3.066.525.385.670	13.164.595.683	0	206.484.446.380	2.846.876.343.607	3.066.525.385.670	
1.	Kiểm toán báo cáo tài chính, các hoạt động liên quan đến quản lý, sử dụng vốn, tài sản nhà nước năm 2019 của Tổng công ty Xây dựng Hà Nội						0	
	Số chưa thực hiện (7)=(5-6)	34.690.460.450	8.909.041.348	0	0	25.781.419.102	34.690.460.450	
5	Tổng công ty Xây dựng Hà Nội - Công ty cổ phần						0	
	Số chưa thực hiện (7)=(5-6)	34.690.460.450	8.909.041.348	0	0	25.781.419.102	34.690.460.450	
2.	Kiểm toán chuyên đề Chương trình "Mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn dựa trên kết quả" năm 2019						0	
	Số chưa thực hiện (7)=(5-6)	6.690.000	0	0	6.690.000	0	6.690.000	
6	Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông						0	
	Số chưa thực hiện (7)=(5-6)	6.690.000	0	0	6.690.000	0	6.690.000	
10	Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình						0	
	Số chưa thực hiện (7)=(5-6)	316	0	0	316	0	316	
11	Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum						0	
3.	Kiểm toán chuyên đề Chương trình Phát triển đô thị quốc gia dựa trên kết quả cho khu vực miền núi phía Bắc (WB) năm 2019						0	
	Số chưa thực hiện (7)=(5-6)	225	0	0	225	0	225	
1	Ban Quản lý các chương trình dự án sử dụng nguồn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) tỉnh Hòa Bình						0	
	Số chưa thực hiện (7)=(5-6)	225	0	0	225	0	225	
4.	Kiểm toán chuyên đề Dự án sửa chữa và nâng cao an toàn đập (WB8)						0	
	Số chưa thực hiện (7)=(5-6)	25.791.466	1	0	25.791.465	0	25.791.466	
1	Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bình Định						0	

TT	Chỉ tiêu	Tổng số (đến 31/12/2023)	Tăng thu	Giảm chi TX	Giảm chi ĐT	Kiến nghị khác	Số liệu thực hiện đến 01/3/2023	Ghi chú
	Số chưa thực hiện (7)=(5-6)	506	0	0	506	0	506	
2	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Hòa Bình						0	
	Số chưa thực hiện (7)=(5-6)	25.791.465	0	0	25.791.465	0	25.791.465	
	5. Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án Cổng âu thuyền Ninh Quới; Tiểu dự án 6 - Hợp phần 3 - Dự án Kiểm soát nguồn nước, thích ứng với biến đổi khí hậu vùng Nam Măng Thít, tỉnh Trà Vinh, Vĩnh Long; Dự án Hệ thống thủy lợi Bắc Bến Tre giai đoạn 1; Dự án Hệ thống thủy lợi Cái Lớn - Cái Bé giai đoạn 1						0	
	Số chưa thực hiện (7)=(5-6)	6.873	0	0	6.873	0	6.873	
1	Ban Quản lý đầu tư và Xây dựng Thủy lợi 10						0	
	Số chưa thực hiện (7)=(5-6)	6.873	0	0	6.873	0	6.873	
	6. Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án đầu tư xây dựng Bệnh viện đa khoa Sơn La						0	
	Số chưa thực hiện (7)=(5-6)	292.225.732	0	0	292.225.732	0	292.225.732	
1	Sở Y tế Sơn La						0	
	Số chưa thực hiện (7)=(5-6)	292.225.732	0	0	292.225.732	0	292.225.732	
	7. Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án đầu tư xây dựng công trình Nhà máy nhiệt điện Long Phú 1; Dự án đầu tư các hạng mục Cơ sở hạ tầng Trung tâm điện lực Long Phú						0	
	Số chưa thực hiện (7)=(5-6)	1.020.541.800.471	0	0	0	1.020.541.800.471	1.020.541.800.471	
1	Ban quản lý dự án điện lực dầu khí Long Phú 1						0	
	Số chưa thực hiện (7)=(5-6)	1.020.541.800.471	0	0	0	1.020.541.800.471	1.020.541.800.471	
	8. Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án đầu tư xây dựng công trình Nhà máy nhiệt điện Sông Hậu 1; Dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng Trung tâm Điện lực Sông Hậu 1						0	
	Số chưa thực hiện (7)=(5-6)	115.362.544.394	4.255.554.334	0	0	111.106.990.060	115.362.544.394	
1	Ban quản lý dự án Điện lực Dầu khí Sông Hậu 1						0	
	Số chưa thực hiện (7)=(5-6)	115.362.544.394	4.255.554.334	0	0	111.106.990.060	115.362.544.394	
	9. Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án hệ thống thủy lợi Tân Mỹ và Hồ chứa nước Sông Lũy						0	
	Số chưa thực hiện (7)=(5-6)	6.154.210.123	0	0	21	6.154.210.102	6.154.210.123	
1	Ban Quản lý đầu tư và Xây dựng Thủy lợi 7						0	
	Số chưa thực hiện (7)=(5-6)	6.154.210.123	0	0	21	6.154.210.102	6.154.210.123	
	10. Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án Hồ chứa nước Đồng Mít						0	
	Số chưa thực hiện (7)=(5-6)	4.060.042.175	0	0	4.060.042.175	0	4.060.042.175	
1	Ban Quản lý đầu tư và Xây dựng Thủy lợi 6						0	
	Số chưa thực hiện (7)=(5-6)	4.060.042.175	0	0	4.060.042.175	0	4.060.042.175	
	11. Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án Nhà máy nhiệt điện Duyên Hải 3 mở rộng						0	
	Số chưa thực hiện (7)=(5-6)	99.558.045.851	0	0	0	99.558.045.851	99.558.045.851	
1	Ban quản lý dự án nhiệt điện 3						0	
	Số chưa thực hiện (7)=(5-6)	99.558.045.851	0	0	0	99.558.045.851	99.558.045.851	
	12. Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án tuyến đường sắt đô thị thí điểm thành phố Hà Nội, đoạn Nhôn - Ga Hà Nội						0	
	Số chưa thực hiện (7)=(5-6)	1.574.509.891.492	0	0	186.254.009.030	1.388.255.882.462	1.574.509.891.492	
1	Ban Quản lý đường sắt đô thị Hà Nội						0	

TT	Chỉ tiêu	Tổng số (đến 31/12/2023)	Tăng thu	Giảm chi TX	Giảm chi ĐT	Kiến nghị khác	Số liệu thực hiện đến 01/3/2023	Ghi chú
	Số chưa thực hiện (7)=(5-6)	1.574.509.891.492	0	0	186.254.009.030	1.388.255.882.462	1.574.509.891.492	
13. Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án xây dựng Nhà Quốc hội Lào							0	
	Số chưa thực hiện (7)=(5-6)	69.725.938.535	0	0	15.845.680.859	53.880.257.676	69.725.938.535	
1	Ban quản lý dự án Đầu tư xây dựng chuyên ngành						0	
	Số chưa thực hiện (7)=(5-6)	69.725.938.535	0	0	15.845.680.859	53.880.257.676	69.725.938.535	
14. Kiểm toán quyết toán giá trị phần vốn nhà nước tại thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần tại Công ty Cổ phần Đầu tư Địa ốc Gia Định							0	
	Số chưa thực hiện (7)=(5-6)	70.764.331.947	0	0	0	70.764.331.947	70.764.331.947	
1	Công ty Cổ phần Đầu tư Địa ốc Gia Định						0	
	Số chưa thực hiện (7)=(5-6)	70.764.331.947	0	0	0	70.764.331.947	70.764.331.947	
15. Kiểm toán quyết toán giá trị phần vốn nhà nước tại thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần tại Công ty Cổ phần Địa ốc Thủ Thiêm							0	
	Số chưa thực hiện (7)=(5-6)	142.815.349	0	0	0	142.815.349	142.815.349	
1	Công ty Cổ phần Địa ốc Thủ Thiêm						0	
	Số chưa thực hiện (7)=(5-6)	142.815.349	0	0	0	142.815.349	142.815.349	
16. Kiểm toán quyết toán giá trị phần vốn nhà nước tại thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần tại Công ty Cổ phần Kỹ thuật Xây dựng Phú Nhuận							0	
	Số chưa thực hiện (7)=(5-6)	23.450.876.487	0	0	0	23.450.876.487	23.450.876.487	
1	Công ty Cổ phần Kỹ thuật xây dựng Phú Nhuận						0	
	Số chưa thực hiện (7)=(5-6)	23.450.876.487	0	0	0	23.450.876.487	23.450.876.487	
17. Kiểm toán quyết toán giá trị phần vốn nhà nước tại thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần tại Công ty Cổ phần Phát triển địa ốc Sài Gòn							0	
5	Số chưa thực hiện (7)=(5-6)	43.830.897.800	0	0	0	43.830.897.800	43.830.897.800	
1	Công ty Cổ phần Phát triển địa ốc Sài Gòn 5						0	
	Số chưa thực hiện (7)=(5-6)	43.830.897.800	0	0	0	43.830.897.800	43.830.897.800	
18. Kiểm toán quyết toán giá trị phần vốn nhà nước tại thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần tại Công ty TNHH MTV Xe khách Sài Gòn (nay là công ty Cổ phần xe khách Sài Gòn)							0	
	Số chưa thực hiện (7)=(5-6)	3.408.816.300	0	0	0	3.408.816.300	3.408.816.300	
1	Công ty Cổ phần Xe khách Sài Gòn						0	
	Số chưa thực hiện (7)=(5-6)	3.408.816.300	0	0	0	3.408.816.300	3.408.816.300	
III. Niên độ ngân sách 2018							0	
	Số chưa thực hiện (7)=(5-6)	1.304.424.539.124	3.457.556.180	3.366.963.524	49.689.913.913	1.247.910.105.507	1.304.424.539.124	
1. Chương trình "Mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn dựa trên kết quả"							0	
	Số chưa thực hiện (7)=(5-6)	15.662.120	0	0	5.629.120	10.033.000	15.662.120	
1	Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận						0	
	Số chưa thực hiện (7)=(5-6)	5.629.120	0	0	5.629.120	0	5.629.120	
2	Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên						0	
	Số chưa thực hiện (7)=(5-6)	10.033.000	0	0	0	10.033.000	10.033.000	
2. Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020							0	
	Số chưa thực hiện (7)=(5-6)	76.252.043.249	0	3.366.963.524	3.633.914.094	69.251.165.631	76.252.043.249	

TT	Chỉ tiêu	Tổng số (đến 31/12/2023)	Tăng thu	Giảm chi TX	Giảm chi ĐT	Kiến nghị khác	Số liệu thực hiện đến 01/3/2023	Ghi chú
1	Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang						0	
	Số chưa thực hiện (7)=(5-6)	408.639.140	0	0	0	408.639.140	408.639.140	
2	Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn						0	
	Số chưa thực hiện (7)=(5-6)	9.626.142.377	0	0	548.422.377	9.077.720.000	9.626.142.377	
3	Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng						0	
	Số chưa thực hiện (7)=(5-6)	9.360.275.716	0	0	615.075.716	8.745.200.000	9.360.275.716	
4	Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk						0	
	Số chưa thực hiện (7)=(5-6)	11.463.080.017	0	3.250.963.524	1.510.828.970	6.701.287.523	11.463.080.017	
5	Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai						0	
	Số chưa thực hiện (7)=(5-6)	3.735.493.726	0	0	96.485.998	3.639.007.728	3.735.493.726	
6	Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang						0	
	Số chưa thực hiện (7)=(5-6)	550.820.051	0	0	550.820.051	0	550.820.051	
7	Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn						0	
	Số chưa thực hiện (7)=(5-6)	39.955.065.000	0	0	0	39.955.065.000	39.955.065.000	
8	Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai						0	
	Số chưa thực hiện (7)=(5-6)	147.632.910	0	0	147.632.910	0	147.632.910	
9	Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ						0	
	Số chưa thực hiện (7)=(5-6)	746.576.418	0	0	22.330.178	724.246.240	746.576.418	
10	Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La						0	
	Số chưa thực hiện (7)=(5-6)	116.000.000	0	116.000.000	0	0	116.000.000	
11	Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang						0	
	Số chưa thực hiện (7)=(5-6)	137.299.400	0	0	137.299.400	0	137.299.400	
12	Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái						0	
	Số chưa thực hiện (7)=(5-6)	5.018.494	0	0	5.018.494	0	5.018.494	
	3. Chương trình Nước sạch và Vệ sinh nông thôn dựa trên kết quả tại 08 tỉnh đồng bằng Sông Hồng						0	
	Số chưa thực hiện (7)=(5-6)	5.189.828	0	0	5.189.827	1	5.189.828	
1	Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa						0	
	Số chưa thực hiện (7)=(5-6)	5.189.827	0	0	5.189.827	0	5.189.827	
2	Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc						0	
							0	
	4. Dự án Nhà máy nhiệt điện Thái Bình 1						0	
	Số chưa thực hiện (7)=(5-6)	86.306.629.707	0	0	29.356.913.475	56.949.716.232	86.306.629.707	
1	Tập đoàn Điện lực Việt Nam						0	
	Số chưa thực hiện (7)=(5-6)	86.306.629.707	0	0	29.356.913.475	56.949.716.232	86.306.629.707	
	5. Dự án Nhà máy sản xuất Ethanol Bình Phước						0	
	Số chưa thực hiện (7)=(5-6)	1.108.788.733.395	10.757.000	0	0	1.108.777.976.395	1.108.788.733.395	
1	Công ty Trách nhiệm hữu hạn Nhiên liệu Sinh học Phương Đông (OBF)						0	
	Số chưa thực hiện (7)=(5-6)	1.108.788.733.395	10.757.000	0	0	1.108.777.976.395	1.108.788.733.395	
	6. Dự án Nhà máy thủy điện Bản Chát						0	
	Số chưa thực hiện (7)=(5-6)	5.209.106.688	377.237.778	0	2.485.216.580	2.346.652.330	5.209.106.688	
1	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Lai Châu						0	

[illegible]

TT	Chỉ tiêu	Tổng số (đến 31/12/2023)	Tăng thu	Giảm chi TX	Giảm chi ĐT	Kiến nghị khác	Số liệu thực hiện đến 01/3/2023	Ghi chú
	Số chưa thực hiện (7)=(5-6)	360.036.896.134	0	0	180.943.606.501	179.093.289.633	360.036.896.134	
1	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp thành phố Hà Nội						0	
	Số chưa thực hiện (7)=(5-6)	8.636.606.132	0	0	5.433.094.073	3.203.512.059	8.636.606.132	
2	Ban Quản lý Dự án Đường sắt						0	
	Số chưa thực hiện (7)=(5-6)	351.400.290.002	0	0	175.510.512.428	175.889.777.574	351.400.290.002	
	4. Dự án Giải quyết ngập do triều khu vực thành phố Hồ Chí Minh có xét đến yếu tố biến đổi khí hậu (giai đoạn 1)						0	
	Số chưa thực hiện (7)=(5-6)	312.604.620.725	282.923.832.695	0	22.160.596.163	7.520.191.867	312.604.620.725	
1	Công ty Trách nhiệm hữu hạn Trung Nam BT 1547						0	
	Số chưa thực hiện (7)=(5-6)	312.604.620.725	282.923.832.695	0	22.160.596.163	7.520.191.867	312.604.620.725	
	5. Dự án Hệ thống thủy lợi Tân Mỹ; Dự án Hệ thống thủy lợi Tà Pao						0	
1	Ban Quản lý đầu tư và Xây dựng Thủy lợi 7						0	
2	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Ninh Thuận						0	
	6. Dự án Nhà máy điện Duyên Hải 3 - 2x600MW						0	
	Số chưa thực hiện (7)=(5-6)	72.510.453	72.510.453	0	0	0	72.510.453	
1	Ban quản lý dự án nhiệt điện 3						0	
	Số chưa thực hiện (7)=(5-6)	72.510.453	72.510.453	0	0	0	72.510.453	
	7. Dự án Nhà máy Nhiệt điện Vĩnh Tân 4						0	
	Số chưa thực hiện (7)=(5-6)	700.712.168.919	0	0	0	700.712.168.919	700.712.168.919	
1	Ban quản lý dự án nhiệt điện Vĩnh Tân						0	
	Số chưa thực hiện (7)=(5-6)	700.712.168.919	0	0	0	700.712.168.919	700.712.168.919	
	8. Dự án thủy điện Huội Quảng						0	
	Số chưa thực hiện (7)=(5-6)	9.127.668.223	49.751.049	0	0	9.077.917.174	9.127.668.223	
1	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Than Uyên						0	
	Số chưa thực hiện (7)=(5-6)	502.235.369	49.751.049	0	0	452.484.320	502.235.369	
2	Ban Quản lý dự án Thủy điện 1						0	
	Số chưa thực hiện (7)=(5-6)	8.625.432.854	0	0	0	8.625.432.854	8.625.432.854	
	9. TCT Sông Đà - TNHH MTV						0	
	Số chưa thực hiện (7)=(5-6)	2	0	0	2	0	2	
III	Niên độ ngân sách 2016	79,5%	72,8%		45,5%	90,2%	1	
f	Số chưa thực hiện (6=4-5)	330.639.243.736	11.619.390.616	-	189.460.712.809	129.559.140.311	330.639.243.736	
1	Đoàn kiểm toán dự án đầu tư xây dựng Thủy điện Đakdrinh						0	
f	Số chưa thực hiện (6=4-5)	133.718.706.779	5.527.883.740	-	-	128.190.823.039	133.718.706.779	
1.1	Công ty cổ phần thủy điện Đakdrinh						0	
f	Số chưa thực hiện (6=4-5)	133.718.706.779	5.527.883.740			128.190.823.039	133.718.706.779	
2	Đoàn kiểm toán Tổng công ty xuất nhập khẩu - Vinaconex						0	
f	Số chưa thực hiện (6=4-5)	7.381.845.967	6.091.506.876			1.290.339.091	7.381.845.967	
2.1	Công ty mẹ						0	
2.1	Công ty VC1						0	
f	Số chưa thực hiện (6=4-5)	6.078.206.754	6.078.206.754				6.078.206.754	

TT	Chỉ tiêu	Tổng số (đến 31/12/2023)	Tăng thu	Giảm chi TX	Giảm chi ĐT	Kiến nghị khác	Số liệu thực hiện đến 01/3/2023	Ghi chú
2.1	Công ty VC Mec						0	
f	Số chưa thực hiện (6=4-5)	13.300.122	13.300.122				13.300.122	
2.1	Dự án thủy điện Ngòi Phát						0	
f	Số chưa thực hiện (6=4-5)	1.290.339.091				1.290.339.091	1.290.339.091	
3	Đoàn kiểm toán dự án Cảng nhập than Trung tâm điện lực Vĩnh Tân và dự án Cơ sở hạ tầng Trung tâm điện lực Vĩnh Tân						0	
f	Số chưa thực hiện (6=4-5)	77.978.181				77.978.181	77.978.181	
3.1	Ban QLDA Nhiệt điện Vĩnh Tân						0	
f	Số chưa thực hiện (6=4-5)	77.978.181				77.978.181	77.978.181	
4	Đoàn kiểm toán Nước sạch 8 tỉnh						0	
f	Số chưa thực hiện (6=4-5)	843.597.005			843.597.005		843.597.005	
5.4	Tỉnh Hà Nam						0	
f	Số chưa thực hiện (6=4-5)	139.462.658			139.462.658		139.462.658	
5.5	Tỉnh Vĩnh Phúc						0	
5.6	Tỉnh Quảng Ninh						0	
f	Số chưa thực hiện (6=4-5)	704.134.347			704.134.347		704.134.347	
5	Đoàn kiểm toán thủy lợi WB7						0	
f	Số chưa thực hiện (6=4-5)	322.494.344			322.494.344		322.494.344	
5.1	BAN QLDA XÂY DỰNG VÀ TU BỒ CÁC CÔNG TRÌNH NN&PTNT TỈNH HÒA BÌNH						0	
f	Số chưa thực hiện (6=4-5)	100.986.923			100.986.923		100.986.923	
5.2	BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN CẢI THIỆN NÔNG NGHIỆP CÓ TUỔI (WB7) TỈNH QUẢNG TRỊ						0	
f	Số chưa thực hiện (6=4-5)	30.443.380			30.443.380		30.443.380	
5.3	BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN THỦY LỢI THANH HÓA						0	
6	Đoàn kiểm toán WB5-B						0	
f	Số chưa thực hiện (6=4-5)	176.986.334.556			176.986.334.556		176.986.334.556	
6.1	Ban quản lý các dự án Đường thủy						0	
f	Số chưa thực hiện (6=4-5)	176.986.334.556			176.986.334.556		176.986.334.556	
7	Đoàn kiểm toán Chương trình cấp điện nông thôn, miền núi và hải đảo giai đoạn 2013-2020						0	
f	Số chưa thực hiện (6=4-5)	11.092.052.904			11.092.052.904		11.092.052.904	
7.1	Sở Công thương tỉnh Hà Giang						0	
f	Số chưa thực hiện (6=4-5)	5.531.428.429			5.531.428.429		5.531.428.429	
7.2	Sở Công thương tỉnh Lào Cai						0	
f	Số chưa thực hiện (6=4-5)	81.801.562			81.801.562		81.801.562	
7.3	Sở Công thương tỉnh Yên Bái						0	
f	Số chưa thực hiện (6=4-5)	161.330.000			161.330.000		161.330.000	
7.4	Ban QLDA ĐTXD Công trình dân dụng và Công nghiệp tỉnh Bắc Giang						0	
f	Số chưa thực hiện (6=4-5)	971.329.870			971.329.870		971.329.870	
7.5	Ban quản lý dự án năng lượng nông thôn II Hà Tĩnh						0	
f	Số chưa thực hiện (6=4-5)	4.132.761.048			4.132.761.048		4.132.761.048	
7.6	Sở Công thương tỉnh Quảng Nam						0	
f	Số chưa thực hiện (6=4-5)	108.861.154			108.861.154		108.861.154	

TT	Chỉ tiêu	Tổng số (đến 31/12/2023)	Tăng thu	Giảm chi TX	Giảm chi ĐT	Kiến nghị khác	Số liệu thực hiện đến 01/3/2023	Ghi chú
7.7	Sở Công thương tỉnh Đắk Lắk						0	
f	Số chưa thực hiện (6=4-5)	104.540.842			104.540.842		104.540.842	
8	Đoàn kiểm toán Trụ sở Tổng cục Viễn thông						0	
f	Số chưa thực hiện (6=4-5)	216.234.000			216.234.000		216.234.000	
8.1	Cục Viễn thông						0	
f	Số chưa thực hiện (6=4-5)	216.234.000			216.234.000		216.234.000	
IV	Niên độ ngân sách 2015						0	
f	Số chưa thực hiện (6=4-5)	1.595.767.505.509	-	-	15.172.165.804	1.580.595.339.705	1.595.767.505.509	
1	Dự án đầu tư xây dựng công trình Nhà máy sản xuất phân bón Diamon Photphat (DAP) số 2						0	
f	Số chưa thực hiện (6=4-5)	809.340.198.013	-	-	-	809.340.198.013	809.340.198.013	
1.1	Công ty cổ phần DAP số 2 – Vinachem						0	
f	Số chưa thực hiện (6=4-5)	809.340.198.013	-	-	-	809.340.198.013	809.340.198.013	
2	Chương trình đầu tư xây dựng công trình Sân phân phối 500 kV Trung tâm điện lực Vũng Áng						0	
f	Số chưa thực hiện (6=4-5)	771.255.141.691				771.255.141.691	771.255.141.691	
2.1	Ban QLDA Điện lực Dầu khí Vũng Áng - Quảng Trạch						0	
f	Số chưa thực hiện (6=4-5)	771.255.141.691				771.255.141.691	771.255.141.691	
3	Chương trình Nước sạch và Vệ sinh nông thôn dựa trên kết quả của 8 tỉnh đồng bằng sông Hồng năm 2016						0	
f	Số chưa thực hiện (6=4-5)	271.959.010			271.959.010		271.959.010	
3.1	Tỉnh Quảng Ninh						0	
f	Số chưa thực hiện (6=4-5)	232.762.700			232.762.700		232.762.700	
3.2	Tỉnh Hưng Yên						0	
f	Số chưa thực hiện (6=4-5)	39.196.310			505.820.828		39.196.310	
4	Dự án ĐTXD Trụ sở Bộ Ngoại Giao						0	
f	Số chưa thực hiện (6=4-5)	11.127.641.574			11.127.641.574		11.127.641.574	
4.1	Ban quản lý dự án dự án đầu tư xây dựng trụ sở Bộ Ngoại giao						0	
f	Số chưa thực hiện (6=4-5)	11.127.641.574			11.127.641.574		11.127.641.574	
5	Đoàn kiểm toán Dự án Phát triển hệ thống tưới Bắc sông Chu, Nam sông Mã (ADB6)						0	
f	Số chưa thực hiện (6=4-5)	2.465			2.465		2.465	
5.1	Ban QLDA Thủy lợi 3						0	
f	Số chưa thực hiện (6=4-5)	2.465			2.465		2.465	
6	Dự án quản lý thiên tai WB5						0	
f	Số chưa thực hiện (6=4-5)	2.376.502.267			2.376.502.267		2.376.502.267	
6.1	Ban quản lý trung ương WB5						0	
f	Số chưa thực hiện (6=4-5)	2.376.502.267			2.376.502.267		2.376.502.267	
7	Đoàn kiểm toán Dự án Hồ chứa nước sông Ray và Hồ chứa nước Định Bình						0	
f	Số chưa thực hiện (6=4-5)	1.316.828.311			1.316.828.311		1.316.828.311	
7.1	Ban Quản lý đầu tư và xây dựng thủy lợi 9						0	

TT	Chỉ tiêu	Tổng số (đến 31/12/2023)	Tăng thu	Giảm chi TX	Giảm chi ĐT	Kiến nghị khác	Số liệu thực hiện đến 01/3/2023	Ghi chú
f	Số chưa thực hiện (6=4-5)	1.316.828.310			1.316.828.310		1.316.828.310	
8	Dự án phát triển cơ sở hạ tầng nông thôn bền vững các tỉnh miền núi phía Bắc						0	
f	Số chưa thực hiện (6=4-5)	79.232.177			79.232.177		79.232.177	
8.1	Ban QLDA phát triển CSHT nông thôn các tỉnh miền núi phía Bắc tỉnh Lai Châu						0	
f	Số chưa thực hiện (6=4-5)	15.249.944			15.249.944		15.249.944	
8.2	Ban QLDA phát triển CSHT nông thôn các tỉnh miền núi phía Bắc tỉnh Lào Cai						0	
f	Số chưa thực hiện (6=4-5)	24.754.248			24.754.248		24.754.248	
8.3	Ban QLDA phát triển CSHT nông thôn các tỉnh miền núi phía Bắc tỉnh Hà Giang						0	
f	Số chưa thực hiện (6=4-5)	346.953			346.953		346.953	
8.4	Ban QLDA phát triển CSHT nông thôn các tỉnh miền núi phía Bắc tỉnh Lạng Sơn						0	
f	Số chưa thực hiện (6=4-5)	245			245		245	
8.5	Ban QLDA phát triển CSHT nông thôn các tỉnh miền núi phía Bắc tỉnh Cao Bằng						0	
f	Số chưa thực hiện (6=4-5)	31.766.700			31.766.700		31.766.700	
8.6	Ban QLDA phát triển CSHT nông thôn các tỉnh miền núi phía Bắc tỉnh Bắc Cạn						0	
f	Số chưa thực hiện (6=4-5)	7.114.087			7.114.087		7.114.087	

TỔNG HỢP DANH SÁCH CÁC ĐƠN VỊ CHƯA THỰC HIỆN KIẾN NGHỊ CỦA KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC VỀ CƠ CHẾ CHÍNH SÁCH ĐẾN 31/12/2022

(Kèm theo Công văn số/CNV-TH ngày/...../2023 của Kiểm toán nhà nước chuyên ngành V)

STT	Tên cơ quan tổ chức, cá nhân được kiến nghị	Trích từ báo cáo kiểm toán	Nội dung kiến nghị	Nguyên nhân chưa thực hiện	
				Thuyết minh nguyên nhân	Phân loại
1	2	3	4	5	6
I	Niên độ 2020 (năm kiểm toán 2021)				
1	Thủ tướng Chính phủ	Chuyên đề Việc quản lý quy hoạch, cấp phép xây dựng thủy điện nhỏ giai đoạn 2016 - 2020	Chỉ đạo Bộ Công Thương rà soát, tham mưu cho Chính phủ: Xây dựng và trình Quốc hội sửa đổi khoản 2 Điều 4 Luật Điện lực hợp nhất phát hành theo Văn bản số 03/VBHN-VPQH ngày 29/6/2018 của biến đổi khí hậu và tăng trưởng xanh giai đoạn 2016 - 2020 phù hợp với quan điểm chỉ đạo của Bộ Chính trị tại Nghị quyết số 55- NQ/TW ngày 11/02/2020 về Định hướng chiến lược phát triển năng lượng Quốc gia của Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến 2045.	Chưa nhận được báo cáo bổ sung của đơn vị	Nguyên nhân khác
1	Bộ Công Thương	Chuyên đề Việc quản lý quy hoạch, cấp phép xây dựng thủy điện nhỏ giai đoạn 2016 - 2020	Chỉ đạo các đơn vị tham mưu, tư vấn rà soát sửa đổi, bổ sung, thay thế các Thông tư số 43/2012/TT-BCT và Thông tư số 43/2013/TT-BCT phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành, có tính ổn định lâu dài.	Chưa nhận được báo cáo bổ sung của đơn vị	Nguyên nhân khác
1	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Chuyên đề Việc quản lý quy hoạch, cấp phép xây dựng thủy điện nhỏ giai đoạn 2016 - 2020	Xem xét điều chỉnh, bổ sung Điều 4, Thông tư số 64/2017/TT- BTNMT ngày 22/12/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường đáp ứng quy định tại khoản 18 Điều 2 Luật Tài nguyên nước;	Chưa nhận được báo cáo bổ sung của đơn vị	Nguyên nhân khác
I	Niên độ 2019 (năm kiểm toán 2020)				
1	UBND tỉnh Bình Thuận	Chương trình "Mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn dựa trên kết quả" năm 2019	Chỉnh sửa, bổ sung nội dung tại Quyết định số 2358/QĐ-UBND ngày 16/8/2016 về việc phân giao nhiệm vụ thực hiện “Chương trình mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn dựa trên kết quả đầu ra” cho phù hợp.	UBND tỉnh Bình Thuận đã có văn bản số 1279/VP-UBND ngày 05/4/2021 đề nghị Ban điều phối chủ trì thực hiện, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có giấy mời số 140/GM ngày 24/5/2021 tổ chức rà soát lại các nhiệm vụ.	Nguyên nhân khác (Chưa nhận được báo cáo bổ sung của đơn vị)

STT	Tên cơ quan tổ chức, cá nhân được kiến nghị	Trích từ báo cáo kiểm toán	Nội dung kiến nghị	Nguyên nhân chưa thực hiện	
				Thuyết minh nguyên nhân	Phân loại
1	2	3	4	5	6
2	UBND tỉnh Bến Tre	Dự án Cổng âu thuyền Ninh Quới; Tiêu dự án 6 - Hợp phần 3 - Dự án Kiểm soát nguồn nước, thích ứng với biến đổi khí hậu vùng Nam Măng Thít, tỉnh Trà Vinh, Vĩnh Long; Dự án Hệ thống thủy lợi Bắc Bến Tre giai đoạn 1; Dự án Hệ thống thủy lợi Cái Lớn - Cái Bé giai đoạn 1	Ban hành quy định cước vận tải hàng hóa bằng phương tiện cơ giới đường sông thay thế Quyết định số 2212/2006/QĐ-UBND của UBND tỉnh Bến Tre ngày 27/10/2006 làm căn cứ phù hợp để lập dự toán, quản lý chi phí các dự án trên địa bàn tỉnh.	Chưa nhận được báo cáo của đơn vị	Nguyên nhân khác
II	Niên độ 2018 (Năm kiểm toán 2019)				
1	Bộ Công Thương	Dự án Nhà máy nhiệt điện Thái Bình	Rà soát lại hướng dẫn tại Văn bản số 7930/BCT-ĐL ngày 01/10/2018 về việc hạch toán tiền thu từ bán sản phẩm chạy thử của EVN để sửa đổi, bổ sung theo hướng cụ thể, rõ ràng trong việc xác định giá điện đối với các nhà máy hạch toán phụ thuộc EVN trong giai đoạn chạy thử, đảm bảo xác định được đúng, đủ doanh thu, chi phí chạy thử làm cơ sở cho EVN thực hiện quyết toán chi phí đầu tư các nhà máy hạch toán phụ thuộc EVN theo chế độ quy định.	Chưa nhận được báo cáo của đơn vị	Nguyên nhân khác
II	Niên độ 2017 (Năm kiểm toán 2018)				
	Bộ Xây dựng	Dự án đường dây 500kV Sơn La - Lai Châu và mở rộng trạm 500kV Sơn La	Bổ sung cơ sở xây dựng Hướng dẫn đo bóc khối lượng xây dựng công trình ban hành theo Quyết định 451/QĐ-BXD ngày 23/05/2017 của Bộ Xây dựng để các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan áp dụng khi tham khảo.	Chưa nhận được báo cáo của đơn vị	Nguyên nhân khác
II	Niên độ 2016 (Năm kiểm toán 2017)				
	Bộ Công Thương	Chương trình cấp điện nông thôn, miền núi và hải đảo giai đoạn 2013-2020	1. Ban hành định mức, đơn giá cho công tác Lắp đặt cáp ngầm dưới đáy biển để áp dụng cho các dự án cung cấp điện bằng cáp ngầm. 2. Chỉ đạo các đơn vị liên quan rà soát làm cơ sở ban hành bổ sung định mức số 9225/BCT-TCNL ngày 05/10/2011 của Bộ Công Thương về việc công bố định mức tỷ lệ chi phí công tác Nghiệm thu đóng điện bàn giao công trình ĐZ & TBA để đảm bảo mức chi phù hợp thực tế.	Chưa nhận được báo cáo của đơn vị	Nguyên nhân khác

**TỔNG HỢP DANH SÁCH CÁC ĐƠN VỊ CHƯA THỰC HIỆN KIẾN NGHỊ CỦA KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC VỀ KIỂM ĐIỂM TRÁCH NHIỆM TẬP THỂ, CÁ NHÂN
ĐẾN 31/12/2022**

(Kèm theo Công văn số/CNV-TH ngày/...../2023 của Kiểm toán nhà nước chuyên ngành V)

STT	Tên cơ quan tổ chức được kiến nghị	Trích từ báo cáo kiểm toán	Nội dung kiến nghị chưa thực hiện	Nguyên nhân chưa thực hiện	
				Giải thích	Phân loại
1	2	3	4	5	6
I	Niên độ 2019 (Năm kiểm toán 2020)				
1	Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Dự án đường dây 500/220kV Nho Quan - Phú Lý - Thường Tín; Dự án đường dây 500/220kV Hiệp Hoà - Đông Anh - Bắc Ninh 2	Chấn chỉnh, rút kinh nghiệm trong việc thẩm định phê duyệt Dự án đầu tư đường dây 500/220 kV Hiệp Hòa - Đông Anh - Bắc Ninh 2 do tổng mức đầu tư tính chi phí dự phòng chưa đúng quy định, chưa sát với thực tế thực hiện và việc quyết toán Dự án đầu tư đường dây 500/220 kV Hiệp Hòa - Đông Anh - Bắc Ninh 2 còn chậm 03 tháng so với quy định tại Điều 22 Thông tư số 09/2016/TT-BTC.	Không nhận được Báo cáo tình hình thực hiện kiến nghị của Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Nguyên nhân khác (chưa nhận được báo cáo của đơn vị)
II	Niên độ 2018 (Năm kiểm toán 2019)				
1	Công ty TNHH Nhiên liệu sinh học Phương Đông	Hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án nhà máy sản xuất Ethanol Bình Phước	Đề nghị Công ty TNHH Nhiên liệu sinh học Phương Đông tổ chức kiểm điểm trách nhiệm tập thể, cá nhân và xử lý theo quy định đối với một số tồn tại, sai sót chủ yếu như sau: 1. Dự án công nghiệp nhóm A nhưng Chủ đầu tư không gửi hồ sơ lấy ý kiến thẩm định thiết kế cơ sở của Bộ Công thương theo quy định; Phê duyệt TMĐT của dự án khi chưa được thẩm tra, thẩm định; Hạng mục cấp nước, cấp điện cho nhà máy đã được một số đơn vị cam kết đầu tư, tuy nhiên chủ đầu tư vẫn đưa chi phí này vào tổng mức đầu tư và ký hợp đồng với đơn vị thực hiện làm tăng chi phí đầu tư của Dự án;	Đơn vị chưa gửi kèm biên bản	Nguyên nhân khác
2			2. Nghiệm thu hoàn thành 100% khối lượng công việc mua sắm của nhà thầu TTCL trong khi thực tế chưa hoàn thành; thanh toán cho nhà thầu TTCL Việt Nam vượt quy định Hợp đồng EPC số tiền 123.791 USD; ký chứng chỉ nghiệm thu Hệ thống thiết bị chính (trừ hệ thống xử lý nước thải) trong khi còn nhiều hạng mục còn tồn tại chưa được nhà thầu khắc phục, chưa được chủ đầu tư nghiệm thu;	Đơn vị chưa gửi kèm biên bản	Nguyên nhân khác

STT	Tên cơ quan tổ chức được kiến nghị	Trích từ báo cáo kiểm toán	Nội dung kiến nghị chưa thực hiện	Nguyên nhân chưa thực hiện	
				Giải thích	Phân loại
1	2	3	4	5	6
			3. Đến thời điểm kiểm toán, Liên danh nhà thầu EPC vẫn chưa hoàn thành công trình và chưa được cấp chứng nhận IA, Bảo lãnh thực hiện hợp đồng của nhà thầu đã hết hạn. Tuy nhiên, Chủ đầu tư không yêu cầu nhà thầu gia hạn Bảo lãnh thực hiện hợp đồng cho phần công việc chưa hoàn thành theo quy định hợp đồng. Và một số tồn tại, sai sót khác trong công tác quản lý thực hiện đầu tư như đã nêu ở trên.	Đơn vị chưa gửi kèm biên bản	Nguyên nhân khác
II	Niên độ 2016 (Năm kiểm toán 2017)				
1	Cục đường thủy nội địa Việt Nam	Hợp phần B của Dự án Phát triển cơ sở hạ tầng giao thông đồng bằng sông Cửu Long	- Tổ chức kiểm điểm, xác định trách nhiệm tập thể, cá nhân đối với những sai phạm trong công tác khảo sát, thiết kế, lập dự toán; công tác đấu thầu, lựa chọn nhà thầu; công tác nghiệm thu thanh toán, quản lý chi phí đầu tư, quản lý tiến độ thực hiện hợp đồng như đã nêu trên giai đoạn từ khi triển khai thực hiện dự án đến tháng 12/2014 để xử lý theo quy định của pháp luật.	Chưa nhận được báo cáo của đơn vị	Nguyên nhân khác
2	Các đơn vị Chủ đầu tư tham gia Dự án	Đoàn kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án cải thiện nông nghiệp có tưới - WB7	- Kiểm điểm trách nhiệm việc bố trí đủ vốn đối ứng ngân sách địa phương (theo như quyết định phê duyệt dự án), dẫn đến phải xin Trung ương cấp vốn bổ sung các năm từ năm 2014-2016 từ nguồn vốn trái phiếu chính phủ để triển khai thực hiện các tiểu dự án trên địa bàn.	Chưa nhận được báo cáo của đơn vị	Nguyên nhân khác